TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Nguyễn Văn Bỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Giàu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Truyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1995 (có mặt)

Trú tại: 17A/7, tổ 2, khu vực 6, phường H, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn S, sinh năm 1993 (có mặt)

Trú tại: ấp P, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày: Chị và anh Huỳnh Văn S chung sống và đăng ký kết hôn năm 2014. Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, hay cự cãi, không hạnh phúc. Do tình cảm không còn chị N yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Triệu P, sinh ngày

21/7/2013 và Huỳnh Phú Q, sinh ngày 09/6/2015, hiện đang sống với anh S. Hai con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định mỗi tháng 900.000 đồng cho mỗi người con nếu hai con theo anh S.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại các lời khai của bị đơn anh Huỳnh Văn S trình bày: Anh và chị Nguyễn Hồng N đăng ký kết hôn năm 2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Nếu chị N kiên quyết ly hôn, anh S đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Triệu P, sinh ngày 21/7/2013 và Huỳnh Phú Q, sinh ngày 09/6/2015, hiện đang sống với anh S. Hai con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, người không nuôi con cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án anh S không yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên tại phiên tòa anh S yêu cầu chị N phải chia lại cho anh chiếc xe Honda wave S, biển kiểm soát 65X4-7417.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Tại biên bản hòa giải ngày 13/7/2023, chị N và anh S thống nhất thuận tình ly hôn, giao hai con chung cho anh S nuôi dưỡng, chị N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng cho mỗi người con. Về tài sản chung chị N, anh S tự thỏa thuận, về nợ chung là không có. Đến ngày 20/7/2023 anh S làm đơn yêu cầu thay đổi kết quả hòa giải là không đồng ý ly hôn để buộc chị N phải chia cho anh số tài sản là 03 chiếc nhẫn vàng nữ, mỗi chiếc khoảng 08 phân vàng 18k; 01 chiếc nhẫn nam khoảng 01 chỉ 03 phân vàng 18k; 01 chiếc lắc khoảng 2 chỉ 5 phân vàng 18k; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda wave S, biển kiểm soát 65X4-7417. Nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N và anh Huỳnh Văn S chung sống và có đăng ký kết hôn, nên được được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị N cho rằng vợ chồng thường hay cự cãi, không có hạnh phúc, không còn tình cảm. Nên chị N yêu cầu ly hôn. Tại biên bản hòa giải ngày 13/7/2023 anh S thể hiện

thống nhất ly hôn, nhưng sau đó anh có đơn thay đổi ý kiến là không đồng ý ly hôn vì chị N chưa chia tài sản theo yêu cầu của anh. Diễn biến tại phiên tòa cho thấy anh S, chị N không có tiếng nói chung, không muốn hàn gắn cuộc hôn nhân, hai bên chỉ trình bày đến vấn đề càng khoét sâu thêm mâu thuẫn. Điều đó thể hiện anh S và chị N không còn hạnh phúc. Do chị N, anh S mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị N yêu cầu ly hôn là phù hợp. Việc anh S đặt ra vấn đề không đồng ý ly hôn khi chị N chưa chia cho anh số tài sản chung là không phù hợp. Đây không phải là căn cứ để ràng buộc không cho vợ hoặc chồng có quyền yêu cầu ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình sống chung chị N và anh S có 02 người con chung dưới 18 tuổi và đang sống chung với anh S. Hai cháu, Huỳnh Triệu P và Huỳnh Phú Q có nguyện vọng sống chung với anh S, để không làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu, nên Hội đồng xét xử giao con chung cho anh S nuôi dưỡng. Anh S có yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Chị N đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 900.000 đồng cho mỗi người con, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh S cho rằng anh và chị N có số tài sản chung là 03 chiếc nhẫn vàng nữ, mỗi chiếc khoảng 08 phân vàng 18k; 01 chiếc nhẫn nam khoảng 01 chỉ 03 phân vàng 18k; 01 chiếc lắc khoảng 2 chỉ 5 phân vàng 18k; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda wave S, biển kiểm soát 65X4-7417. Tại phiên tòa anh S không yêu cầu chị N chia số vàng, nhưng chị N phải trả lại anh chiếc xe Honda wave S, biển kiểm soát 65X4-7417. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị N trình bày chị và anh S không có tài sản chung, nên không đặt ra vấn đề yêu cầu chia tài sản chung. Anh S cho rằng vợ chồng có tài sản chung nhưng quá trình giải quyết vụ án anh không có đơn yêu cầu, sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa anh S có yêu cầu là không phù hợp theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của anh Sơn. Anh S được quyền khởi kiện thành vụ án khác để yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng chị N phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N và anh Huỳnh Văn S được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Triệu P, sinh ngày 21/7/2013 và Huỳnh Phú Q, sinh ngày 09/6/2015 cho anh Huỳnh Văn S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P, cháu Q tròn 18 tuổi. Chị Nguyễn Hồng N phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho mỗi người con là 900.000 đồng cho đến khi cháu P, cháu Q tròn 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã đóng theo biên lai số 0011215 ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị N đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh

Nơi nhận:
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- UBND xã Đ,
h. Châu Thành, t. Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.